TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG TÍN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 11/4/2023
V/v *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà và bà Đỗ Thị Kim Vân.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, tham gia phiên tòa: Ông Tô Quốc Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (Có mặt)

HKTT: Thôn X, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: Phòng A Tập thể NN, phường H, quận M, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Phạm Đình T1, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

HKTT và chỗ ở: Thôn X, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có quan điểm:

Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đình T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/9/2019 tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện T, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, hai anh chị chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến tháng 10/2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 ăn chơi nợ nần, vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Khi chị khuyên nhủ anh T1 tu chí làm ăn thì bị đánh đuổi ra khỏi nhà. Vợ chồng ly thân từ

tháng 7/2021 đến nay và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Quá trình ly thân, anh T1 còn khiến mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn khi đến chỗ ở của chị T đánh đập và lấy xe máy mang đi cầm cố trả nợ. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Phạm Đình Đăng Ng, sinh ngày 03/10/2019 hiện đang ở cùng chị T tại Phòng A Tập thể bến xe NN. Kể từ khi ly thân, anh T1 không quan tâm, không đóng góp tiền nuôi con. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu Ng đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị T làm việc tại Công ty TNHH Công nghệ và Thiết bị B, được trả lương khoảng 35 triệu đồng/1tháng và kinh doanh thêm về lĩnh vực cơ khí, tổng thu nhập từ cả hai công việc khoảng 60-90 triệu đồng/ 1tháng.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với anh Phạm Đình T1, đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không cung cấp ý kiến, không đến Tòa án.

- Đại diện chính quyền thôn X, UBND xã N và phía gia đình anh Phạm Đình T1 cung cấp:

Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đình T1 kết hôn ngày 16/9/2019 tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện T, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn. Đến năm 2021 chị T đưa con bỏ nhà đi và ly thân với anh T1 từ đó đến nay, không còn qua lại. Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Phạm Đình Đăng Ng, sinh ngày 03/10/2019 hiện đang ở cùng với chị T. Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và giao con theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết đã thực hiện các hành vi, ra các quyết định tố tụng đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, TP. Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Toà án đã nhiều lần triệu tập nhưng anh Phạm Đình T1 vắng mặt không có lí do. Do đó việc xét xử vắng mặt anh T1 là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T:

[3.1] Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đình T1 là tự nguyện, đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị T cho rằng anh T1 chơi bời nợ nần nên xảy ra cãi vã, anh T1 đánh đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà. Chị T đưa con bỏ đi và ly thân anh T1 từ tháng 7/2021. Quá trình ly thân vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, anh T1 cũng không quan tâm và đóng góp tiền cấp dưỡng cho con.

Như vậy, trong quan hệ vợ chồng giữa anh T1 và chị T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, vợ chồng không sống chung với nhau; không thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T.

[3.2] Về nuôi con chung sau ly hôn:

Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Phạm Đình Đăng Ng, sinh ngày 03/10/2019. Chị T có nguyện vọng nuôi cháu Ng đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Cháu Ng còn nhỏ, thực tế đang ở với chị T từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị T có điều kiện để nuôi con. Xét thấy cho chị T nuôi con sẽ đảm bảo cuộc sống và việc học hành của cháu thuận lợi, không bị xáo trộn thay đổi. Do đó giao cháu Ng cho chị T trực tiếp nuôi sau ly hôn.

[3.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

[4] Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 54, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Đình T1.

2. Giao con chung là cháu Phạm Đình Đăng Ng, sinh ngày 03/10/2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T1 đến khi chị T có yêu cầu khác.

Anh T1 có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết về tài sản.

4. Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0023182 ngày 10/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thường Tín;
- Chi cục THADS huyện Thường Tín;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn